

# THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN VỐN TỪ TIẾNG VIỆT CHO TRẺ 3-4 TUỔI DÂN TỘC THÁI QUA LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC Ở TRƯỜNG MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Phan Thị Phương Thảo, Kim Thị Mỹ Lệ\*, Lê Thị Thùy Linh, Phan Thị Ngọc Anh,  
Lương Thị Cẩm Ly

Sinh viên Khóa 64 A Giáo dục Mầm non - Khoa Giáo dục Mầm non – Trường Sư Phạm – Trường ĐH Vinh  
Email\*: kimmyle971@gmail.com

**Tóm tắt:** Phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số là một nhiệm vụ quan trọng trong Giáo dục mầm non, đặc biệt đối với trẻ 3–4 tuổi đây là giai đoạn “vàng” của sự phát triển ngôn ngữ. Trẻ em dân tộc Thái trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ nên việc tiếp cận và sử dụng tiếng Việt trong môi trường học tập còn gặp nhiều khó khăn. Bài báo tập trung làm rõ thực trạng phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học tại một số trường mầm non trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Kết quả nghiên cứu là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp phát triển vốn từ tiếng Việt phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non con em đồng bào dân tộc thiểu số.

**Từ khóa:** Phát triển vốn từ, trẻ 3–4 tuổi, dân tộc Thái, làm quen tác phẩm văn học, biện pháp.

## CURRENT SITUATION OF VIETNAMESE VOCABULARY DEVELOPMENT FOR 3–4-YEAR-OLD THAI ETHNIC CHILDREN THROUGH LITERARY WORKS IN PRESCHOOLS IN NGHE AN PROVINCE

**Abstract:** Developing Vietnamese vocabulary for ethnic minority preschool children is an important task in early childhood education, especially for children aged 3–4, which is considered a “golden” stage of language development. For Thai ethnic children in Nghe An province, Vietnamese is not their mother tongue; therefore, accessing and using Vietnamese in the learning environment remains challenging. This article focuses on clarifying the current situation of Vietnamese vocabulary development for 3–4-year-old Thai ethnic children through activities of familiarization with literary works at several preschools in Nghe An province. The research findings provide an important practical basis for proposing appropriate measures to develop Vietnamese vocabulary, thereby contributing to improving the quality of language development education for preschool children from ethnic minority communities.

**Keywords:** Vocabulary development; children aged 3–4; Thai ethnic children; familiarization with literary works; measures.

Nhận bài: 15/12/2026

Phản biện: 15/01/2026

Duyệt đăng: 20/01/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngôn ngữ giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non, là công cụ giao tiếp, tư duy và tiếp nhận tri thức. Ở lứa tuổi 3–4, vốn từ của trẻ phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, tạo nền tảng cho các hoạt động học tập và giao tiếp xã hội sau này. Tuy nhiên, đối với trẻ em dân tộc thiểu số nói chung và trẻ dân tộc Thái nói riêng, việc phát triển tiếng Việt gặp nhiều trở ngại do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và môi trường giao tiếp chủ yếu bằng ngôn ngữ dân tộc.

Trong Chương trình Giáo dục Mầm non hiện hành, hoạt động làm quen với tác phẩm văn học được xác định là một phương tiện hiệu quả nhằm phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Thông qua thơ, truyện, đồng dao..., trẻ được tiếp xúc với vốn từ phong phú, hình ảnh sinh động và ngôn ngữ giàu cảm xúc, từ đó từng bước mở rộng vốn từ và nâng cao khả năng sử dụng tiếng Việt. Tuy nhiên, thực tế tại các trường mầm non vùng dân tộc thiểu số cho thấy việc tổ chức hoạt động này chưa thực sự phát huy hiệu quả như mong muốn.

Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, từ đó làm cơ sở đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Thực trạng về vốn từ Tiếng Việt của trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái trên địa bàn Tỉnh Nghệ An

Kết quả khảo sát được tiến hành trên 170 trẻ mẫu giáo 3–4 tuổi dân tộc Thái tại Trường Mầm non thông qua hình thức phỏng vấn, quan sát và đàm thoại trong các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Dữ liệu thu thập được phản ánh khá rõ nét thực trạng phát triển vốn từ Tiếng Việt của trẻ trên các phương diện: khả năng nhận biết – hiểu nghĩa – sử dụng từ Tiếng Việt trong giao tiếp và hoạt động.

\* *Thực trạng khả năng nhận biết và gọi tên sự vật, hiện tượng bằng Tiếng Việt.*

Kết quả khảo sát cho thấy khả năng nhận biết

và gọi tên sự vật, hiện tượng bằng Tiếng Việt của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái tại trường mầm non ở các xã Châu Hồng, xã Hạnh Dịch và xã Đôn Phục đã bước đầu được hình thành, song mức độ phát triển còn chưa đồng đều giữa các trẻ.

Cụ thể, ở nội dung nhận biết và gọi tên sự vật, đồ vật quen thuộc bằng Tiếng Việt, có 41,2% trẻ đạt mức độ 2, tức là có thể gọi tên tương đối chính xác một số sự vật, đồ vật quen thuộc; 52,9% trẻ đạt mức độ 1, chỉ gọi tên được khi có sự hỗ trợ của giáo viên hoặc thông qua tranh ảnh trực quan; vẫn còn 5,9% trẻ ở mức độ 0, chưa gọi tên hoặc gọi sai tên sự vật. Điểm trung bình của nội dung này đạt 1,35 với độ lệch chuẩn 0,59, phản ánh khả năng nhận biết và gọi tên sự vật bằng Tiếng Việt của trẻ còn ở mức trung bình và có sự chênh lệch nhất định giữa các trẻ trong cùng độ tuổi.

Đối với nội dung gọi tên sự vật, hành động thông qua hình ảnh hoặc video, kết quả khảo sát cho thấy không có trẻ ở mức độ 0; 58,8% trẻ đạt mức độ 1 và 41,2% trẻ đạt mức độ 2, với điểm trung bình đạt 1,41. Kết quả này khẳng định vai trò hỗ trợ tích cực của các phương tiện trực quan trong việc giúp trẻ dân tộc Thái nhận biết và gọi tên sự vật, hành động bằng Tiếng Việt. Tuy nhiên, việc phần lớn trẻ chỉ đạt mức độ 1 cho thấy khả năng gọi tên của trẻ vẫn phụ thuộc nhiều vào hình ảnh minh họa, vốn từ Tiếng Việt chưa thật sự được ghi nhớ và sử dụng một cách độc lập.

Ở nội dung thực hiện yêu cầu và chỉ đúng đồ vật theo lời nói Tiếng Việt, kết quả khả quan hơn khi có 58,8% trẻ đạt mức độ 2, 35,3% trẻ đạt mức độ 1 và chỉ 5,9% trẻ ở mức độ 0. Nội dung này có điểm trung bình cao nhất trong nhóm ( $\text{ĐTB} = 1,53$ ;  $\text{ĐLC} = 0,61$ ), cho thấy trẻ có khả năng hiểu nghĩa từ Tiếng Việt khá tốt khi các từ gắn với đồ vật và hành động quen thuộc trong sinh hoạt hằng ngày. Tuy nhiên, sự tồn tại của một bộ phận trẻ chưa thực hiện đúng yêu cầu cũng phản ánh sự khác biệt về mức độ tiếp nhận Tiếng Việt giữa các trẻ.

Nhìn chung, khả năng nhận biết và gọi tên sự vật, hiện tượng bằng Tiếng Việt của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái đã có những chuyển biến tích cực nhờ sự hỗ trợ của hoạt động làm quen với tác phẩm văn học và các phương tiện trực quan. Tuy nhiên, vốn từ của trẻ còn hạn chế, khả năng sử dụng từ Tiếng Việt một cách chủ động và ổn định chưa cao, đòi hỏi giáo viên cần tiếp tục tăng cường các biện pháp hỗ trợ phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ cho trẻ trong giai đoạn tiếp theo.

*\* Thực trạng vốn từ Tiếng Việt của trẻ trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.*

Kết quả khảo sát cho thấy vốn từ Tiếng Việt của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học đã bước đầu được hình thành, song mức độ phát triển còn hạn chế và chưa thật sự vững chắc. Điều này thể hiện rõ qua các chỉ số về khả năng gọi tên nhân vật, sự việc cũng như khả năng tái hiện từ ngữ trong truyện, thơ.

Cụ thể, đối với nội dung gọi tên nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học, chỉ có 29,4% trẻ đạt mức độ 2, tức là có thể gọi tên tương đối chính xác các nhân vật hoặc sự việc chính; trong khi tỷ lệ trẻ đạt mức độ 1 chiếm tới 58,8% và 11,8% trẻ ở mức độ 0. Điểm trung bình của nội dung này đạt 1,18 với độ lệch chuẩn 0,62, là mức thấp nhất trong các nội dung khảo sát. Kết quả này phản ánh rằng trẻ dân tộc Thái còn gặp nhiều khó khăn khi tiếp nhận ngôn ngữ văn học, đặc biệt là các từ ngữ mang tính khái quát, trừu tượng hoặc ít xuất hiện trong giao tiếp hằng ngày.

Ở nội dung nhắc lại từ, cụm từ quen thuộc trong truyện, thơ, kết quả khảo sát cho thấy 41,2% trẻ đạt mức độ 2, 41,2% trẻ đạt mức độ 1 và 11,8% trẻ chưa thực hiện được. Điểm trung bình đạt 1,24 với độ lệch chuẩn 0,66 cho thấy khả năng ghi nhớ và nhắc lại từ ngữ Tiếng Việt thông qua tác phẩm văn học của trẻ còn ở mức trung bình. Phần lớn trẻ có thể nhắc lại từ hoặc cụm từ khi được gợi ý, song việc nhắc lại còn mang tính lặp lại máy móc, chưa gắn với sự hiểu nghĩa đầy đủ.

Nhìn chung, hoạt động làm quen với tác phẩm văn học đã tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với hệ thống từ ngữ Tiếng Việt phong phú và đa dạng hơn so với giao tiếp thông thường. Tuy nhiên, do Tiếng Việt không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ, nên trẻ còn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ của giáo viên và các phương tiện trực quan trong quá trình tiếp nhận. Khả năng sử dụng vốn từ Tiếng Việt trong bối cảnh văn học của trẻ còn hạn chế, chưa thể hiện rõ tính chủ động và linh hoạt.

Những kết quả trên cho thấy cần thiết phải tăng cường các biện pháp sư phạm phù hợp trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, như lựa chọn tác phẩm có ngôn ngữ gần gũi, sử dụng đồ dùng trực quan sinh động và tạo cơ hội cho trẻ được lặp lại, thực hành từ ngữ trong các tình huống giao tiếp cụ thể, nhằm từng bước nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái.

*\* Thực trạng hiểu nghĩa từ Tiếng Việt của trẻ khi có sự hỗ trợ*

Kết quả khảo sát cho thấy khả năng hiểu nghĩa từ Tiếng Việt của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái được cải thiện rõ rệt khi có sự hỗ trợ bằng các phương tiện trực quan và hành vi ngôn ngữ của giáo viên như tranh ảnh, cử chỉ, điệu bộ và ngữ cảnh hoạt động. Điều này phản ánh vai trò quan trọng của các hình thức hỗ trợ trong quá trình tiếp nhận Tiếng Việt của trẻ dân tộc thiểu số.

Cụ thể, đối với nội dung hiểu nghĩa từ Tiếng Việt khi có tranh ảnh, cử chỉ hỗ trợ, có 52,9% trẻ đạt mức độ 2, tức là hiểu tương đối tốt nghĩa của từ; 41,2% trẻ đạt mức độ 1, chỉ hiểu khi có sự gợi ý hoặc minh họa; và chỉ 5,9% trẻ ở mức độ 0. Điểm trung bình của nội dung này đạt 1,47 với độ lệch chuẩn 0,61, cho thấy đa số trẻ có khả năng tiếp nhận nghĩa từ Tiếng Việt khi được đặt trong bối cảnh cụ thể và có sự hỗ trợ phù hợp.

Tuy nhiên, khi chuyển sang nội dung ghi nhớ và sử dụng lại từ Tiếng Việt sau khi được làm quen, mặc dù tỷ lệ trẻ đạt mức độ 2 vẫn chiếm 52,9%, song tỷ lệ trẻ ở mức độ 0 tăng lên 17,6%. Điểm trung bình của nội dung này đạt 1,35 với độ lệch chuẩn 0,76, phản ánh sự phân hóa rõ rệt giữa các trẻ về khả năng chuyên hóa từ “hiểu” sang “sử dụng”. Điều này cho thấy việc hiểu nghĩa từ Tiếng Việt khi có hỗ trợ chưa đồng nghĩa với việc trẻ có thể ghi nhớ lâu dài và chủ động sử dụng từ trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

Nhìn chung, sự hỗ trợ bằng hình ảnh, cử chỉ và ngữ cảnh có tác động tích cực đến việc giúp trẻ dân tộc Thái hiểu nghĩa từ Tiếng Việt. Tuy nhiên, khả năng ghi nhớ và sử dụng lại từ của trẻ vẫn còn hạn chế, đặc biệt khi thiếu sự lặp lại và củng cố thường xuyên. Kết quả này cho thấy cần thiết phải tổ chức các hoạt động mang tính trải nghiệm, lặp lại và vận dụng từ ngữ trong nhiều tình huống khác nhau nhằm giúp trẻ từng bước nâng cao khả năng hiểu và sử dụng vốn từ Tiếng Việt một cách bền vững.

*\* Thực trạng mức độ hứng thú và sử dụng Tiếng Việt của trẻ trong hoạt động*

Về mức độ hứng thú và chủ động sử dụng Tiếng Việt trong hoạt động, kết quả khảo sát cho thấy trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái tại trường mầm non nhìn chung có thái độ tích cực và hứng thú khi tham gia các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Tuy nhiên, mức độ chủ động sử dụng Tiếng Việt của trẻ trong hoạt động còn hạn chế và chưa thực sự ổn định.

Cụ thể, đối với nội dung mức độ hứng thú và chủ động sử dụng Tiếng Việt trong hoạt động, phần lớn trẻ đạt mức độ 1 và mức độ 2, với điểm trung bình đạt 1,41 và độ lệch chuẩn 0,49. Kết quả này cho thấy trẻ có hứng thú khi tham gia hoạt động, sẵn sàng lắng nghe, quan sát và tham gia trả lời khi có sự gợi ý từ giáo viên. Nhiều trẻ thể hiện sự chú ý đối với nội dung truyện, thơ và các hình thức tổ chức hoạt động sinh động, phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi.

Tuy nhiên, việc sử dụng Tiếng Việt của trẻ chủ yếu mang tính phản ứng, tức là trẻ chỉ trả lời hoặc nói Tiếng Việt khi được giáo viên hỏi trực tiếp, khuyến khích hoặc yêu cầu. Trong các tình huống giao tiếp tự nhiên với bạn bè, trẻ vẫn có xu hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ, đặc biệt là trong các hoạt động vui chơi tự do. Điều này cho thấy mặc dù trẻ có hứng thú với hoạt động, song việc chuyển hóa hứng thú thành hành vi sử dụng Tiếng Việt một cách chủ động còn gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân của thực trạng này có thể xuất phát từ môi trường ngôn ngữ xung quanh trẻ, trong đó tiếng Thái vẫn là ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu trong gia đình và cộng đồng. Bên cạnh đó, thời lượng trẻ được tiếp xúc và thực hành Tiếng Việt trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học còn hạn chế, chưa đủ để hình thành thói quen sử dụng Tiếng Việt thường xuyên.

Nhìn chung, mức độ hứng thú của trẻ đối với hoạt động làm quen với tác phẩm văn học là tương đối tốt, song mức độ sử dụng Tiếng Việt một cách chủ động còn chưa cao. Kết quả này đặt ra yêu cầu cần đổi mới hình thức tổ chức hoạt động, tăng cường cơ hội cho trẻ được giao tiếp, tương tác và sử dụng Tiếng Việt trong nhiều tình huống khác nhau, nhằm từng bước nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái.

*\* Đánh giá chung*

Từ kết quả khảo sát có thể khẳng định rằng vốn từ Tiếng Việt của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái tại Trường Mầm non đã bước đầu được hình thành thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Trẻ có khả năng nhận biết, hiểu và sử dụng một số từ Tiếng Việt quen thuộc, đặc biệt khi có sự hỗ trợ trực quan và hướng dẫn của giáo viên. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ đạt mức độ sử dụng tốt vốn từ Tiếng Việt còn chưa cao, vốn từ của trẻ còn hạn chế, khả năng sử dụng Tiếng Việt một cách chủ động, linh hoạt trong giao tiếp và hoạt động còn gặp nhiều khó khăn.

Những kết quả trên cho thấy việc phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc Thái cần tiếp tục được quan tâm, chú trọng hơn nữa thông qua việc đổi mới hình thức tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, tăng cường môi trường giao tiếp Tiếng Việt phong phú, gần gũi và phù hợp với đặc điểm văn hóa – ngôn ngữ của trẻ.

## **2.2. Thực trạng tổ chức phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái qua làm quen với tác phẩm văn học ở trường MN trên địa bàn Tỉnh Nghệ An.**

*2.1.2. Nhận thức của giáo viên về việc phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái qua làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non tại địa bàn Tỉnh Nghệ An*

Qua khảo sát tại trường Mầm non, thực trạng nhận thức thể hiện qua các điểm sau:

### *\*Nhận thức về vai trò của tác phẩm văn học*

Dữ liệu khảo sát cho thấy giáo viên có nhận thức rất tích cực và thống nhất về vai trò của tác phẩm văn học trong việc phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái 3–4 tuổi. Cụ thể, đối với nội dung “Phát triển vốn từ qua văn học là nhiệm vụ trọng tâm của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái”, có 85% giáo viên lựa chọn mức “Rất đồng ý” và 15% lựa chọn mức “Đồng ý”, không có ý kiến phân vân hay không đồng ý.

Điểm trung bình đạt 3,85 – mức cao nhất trong các nội dung khảo sát, cùng với độ lệch chuẩn thấp ( $SD = 0,37$ ) cho thấy sự đồng thuận rất cao trong nhận thức của giáo viên. Kết quả này phản ánh rằng giáo viên đã nhận thức rõ tác phẩm văn học không chỉ mang tính giải trí mà còn là môi trường ngôn ngữ mẫu mực, giúp trẻ tiếp cận Tiếng Việt một cách tự nhiên thông qua ngữ điệu, phát âm chuẩn và hệ thống từ vựng phong phú. Đây là cơ sở nhận thức quan trọng để giáo viên chủ động lựa chọn và khai thác tác phẩm văn học trong quá trình phát triển vốn từ cho trẻ.

Trước hết, đối với nội dung “Phát triển vốn từ qua văn học là nhiệm vụ trọng tâm của trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái”, có tới 85% giáo viên ( $n = 170$ ) lựa chọn “Rất đồng ý” và 15% ( $n = 30$ ) lựa chọn “Đồng ý”, không có ý kiến phân vân hay không đồng ý. Điểm trung bình đạt 3,85 – cao nhất trong các nội dung khảo sát, cùng với độ lệch chuẩn thấp ( $SD = 0,37$ ) cho thấy sự đồng thuận rất cao trong nhận thức của giáo viên. Điều này chứng tỏ giáo viên đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của tác phẩm văn học như một phương tiện hiệu quả

giúp trẻ tiếp cận và phát triển vốn từ Tiếng Việt một cách tự nhiên, thông qua ngữ cảnh sinh động và giàu cảm xúc.

Đối với nội dung “Giáo viên cần sử dụng kết hợp tiếng mẹ đẻ (tiếng Thái) để giải thích từ khó”, kết quả khảo sát cho thấy mức độ đồng thuận khá cao nhưng chưa tuyệt đối. Cụ thể, 40% giáo viên ( $n = 80$ ) “Rất đồng ý”, 45% ( $n = 90$ ) “Đồng ý”, trong khi vẫn còn 10% ( $n = 20$ ) phân vân và 5% ( $n = 10$ ) không đồng ý. Điểm trung bình đạt 3,2 với độ lệch chuẩn 0,83, phản ánh sự phân hóa trong nhận thức. Một số giáo viên đã nhận thấy vai trò hỗ trợ của tiếng mẹ đẻ trong việc giúp trẻ hiểu nghĩa từ mới, tuy nhiên vẫn có ý kiến chưa hoàn toàn đồng tình, có thể do lo ngại việc sử dụng song ngữ sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu Tiếng Việt của trẻ.

Tiếp theo, nội dung “Việc tổ chức theo hướng tích cực (lấy trẻ làm trung tâm) hiệu quả hơn phương pháp truyền thống”, đa số giáo viên thể hiện quan điểm tích cực với 70% ( $n = 140$ ) “Rất đồng ý”, 20% ( $n = 40$ ) “Đồng ý” và 10% ( $n = 20$ ) “Phân vân”. Điểm trung bình đạt 3,6 cùng độ lệch chuẩn 0,68 cho thấy giáo viên nhìn chung đã nhận thức rõ ưu thế của phương pháp giáo dục hiện đại, đề cao vai trò chủ động của trẻ trong quá trình học tập. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ giáo viên chưa thực sự chắc chắn về hiệu quả của phương pháp này.

Với nội dung “Giáo viên tự tin vào kỹ năng kể chuyện và sử dụng đồ dùng trực quan” cũng nhận được mức độ đồng thuận khá cao với 70% ( $n = 140$ ) “Rất đồng ý”, 20% ( $n = 40$ ) “Đồng ý” và 10% ( $n = 20$ ) “Phân vân”. Điểm trung bình đạt 3,6 và độ lệch chuẩn 0,68 cho thấy phần lớn giáo viên có sự tự tin nhất định về năng lực chuyên môn, đặc biệt trong việc tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Tuy nhiên, sự tồn tại của nhóm giáo viên còn phân vân cũng phản ánh nhu cầu cần được bồi dưỡng thêm về kỹ năng sư phạm và sử dụng phương tiện trực quan.

Về các nội dung khảo sát cho thấy giáo viên đã có nhận thức đúng đắn và tích cực về vai trò của việc phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3–4 tuổi dân tộc Thái. Tuy nhiên, mức độ nhận thức chưa hoàn toàn đồng đều, đặc biệt ở các nội dung liên quan đến phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động. Độ lệch chuẩn ở một số nội dung còn tương đối cao cho thấy vẫn tồn tại sự khác biệt giữa các giáo viên về quan điểm và cách tiếp cận. Như vậy, mặc dù nền tảng nhận thức của giáo viên

là khá tốt, nhưng để nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ cho trẻ, cần tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, thống nhất nhận thức và hướng dẫn cụ thể các phương pháp tổ chức hoạt động phù hợp. Đồng thời, cần chú trọng hỗ trợ giáo viên trong việc vận dụng linh hoạt giữa Tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ, cũng như nâng cao kỹ năng tổ chức hoạt động theo hướng lấy trẻ làm trung tâm. Đây chính là cơ sở quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục ngôn ngữ cho trẻ dân tộc thiểu số trong bối cảnh giáo dục mầm non hiện nay.

*2.2.2. Thực trạng tổ chức phát triển vốn từ vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái qua làm quen với tác phẩm văn học ở trường mầm non tại địa bàn Tỉnh Nghệ An.*

*a, Nội dung*

Từ kết quả khảo sát cho thấy, việc tổ chức nội dung phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái chủ yếu được thực hiện ở mức “thỉnh thoảng”, với tỷ lệ chiếm ưu thế (khoảng 50-55%) ở hầu hết các nội dung.

Điều này phản ánh thực tế rằng trẻ dân tộc Thái chưa có môi trường sử dụng Tiếng Việt thường xuyên, do trong gia đình và cộng đồng, trẻ chủ yếu giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ. Vì vậy, việc tổ chức các nội dung phát triển vốn từ tại trường chưa được duy trì liên tục và gặp nhiều khó khăn.

*Cụ thể:*

Nội dung giúp trẻ hiểu nghĩa từ mới tuy đã được giáo viên quan tâm triển khai (tỷ lệ “thỉnh thoảng” chiếm 51,5%) nhưng chưa được tổ chức một cách thường xuyên và liên tục. Điều này dẫn đến việc trẻ chỉ tiếp cận từ mới ở mức độ nhất định, thiếu sự củng cố và lặp lại cần thiết, nên dễ quên từ và khó ghi nhớ lâu dài. Đặc biệt, đối với trẻ dân tộc Thái – khi Tiếng Việt không phải là ngôn ngữ giao tiếp chính trong gia đình – thì việc thiếu môi trường sử dụng thường xuyên càng làm hạn chế khả năng hình thành và tích lũy vốn từ một cách bền vững.

Đối với nội dung mở rộng vốn từ theo chủ đề (chiếm 55,5% ở mức “thỉnh thoảng”), kết quả cho thấy giáo viên đã bước đầu chú ý gắn nội dung từ vựng với các chủ đề quen thuộc, gần gũi với đời sống của trẻ dân tộc Thái như gia đình, thiên nhiên, lao động sản xuất,... Tuy nhiên, việc triển khai chưa đồng đều giữa các lớp, còn mang tính rời rạc, thiếu sự liên kết và hệ thống giữa các chủ đề. Do đó, vốn từ của trẻ chưa được mở rộng theo chiều sâu và chưa hình thành được mạng lưới từ vựng phong phú, linh hoạt.

Bên cạnh đó, việc rèn luyện phát âm Tiếng Việt cho trẻ vẫn còn gặp nhiều hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ (Tiếng Thái), dẫn đến hiện tượng trẻ phát âm sai, nói ngọng hoặc sử dụng lẫn lộn giữa hai ngôn ngữ. Mặc dù giáo viên đã có ý thức sửa sai cho trẻ, nhưng việc này chưa được thực hiện thường xuyên và chưa có phương pháp phù hợp, khiến hiệu quả chưa cao. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp nhận và sử dụng từ vựng Tiếng Việt của trẻ.

Đáng chú ý, các nội dung mang tính thực hành và vận dụng ngôn ngữ như sử dụng từ trong câu và sử dụng Tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày lại có tỷ lệ “hiếm khi” khá cao (dao động từ 20% đến 30%) và điểm trung bình thấp nhất. Điều này cho thấy giáo viên chưa thực sự chú trọng tạo cơ hội cho trẻ thực hành ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp thực tế. Trong khi đó, đối với trẻ dân tộc Thái, việc được thực hành thường xuyên trong môi trường giao tiếp tự nhiên là yếu tố rất quan trọng giúp chuyển từ vốn từ thụ động sang vốn từ tích cực.

Việc thiếu cơ hội sử dụng Tiếng Việt một cách chủ động đã dẫn đến thực trạng trẻ tuy có thể hiểu một số từ nhưng lại gặp khó khăn khi diễn đạt bằng lời nói, vốn từ nghèo nàn, câu nói đơn giản, thiếu mạch lạc. Đây là một trong những hạn chế lớn ảnh hưởng đến sự phát triển ngôn ngữ nói chung và hiệu quả giao tiếp của trẻ trong môi trường học tập cũng như trong cuộc sống hằng ngày.

*b, Phương pháp*

Kết quả khảo sát cho thấy giáo viên đã sử dụng khá đa dạng các phương pháp và biện pháp nhằm phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục. Tuy nhiên, mức độ sử dụng giữa các biện pháp còn có sự khác nhau nhất định, phản ánh thực trạng triển khai các phương pháp sư phạm trong thực tế giảng dạy.

Trước hết, biện pháp giải thích nghĩa của từ mới thông qua tranh ảnh và đồ dùng trực quan được giáo viên sử dụng với tần suất cao nhất, đạt điểm trung bình 2,65 và độ lệch chuẩn 0,57, trong đó có 70% giáo viên sử dụng thường xuyên. Điều này cho thấy giáo viên đã nhận thức được vai trò quan trọng của phương tiện trực quan trong việc giúp trẻ dễ dàng hiểu nghĩa của từ mới. Đối với trẻ mầm non, đặc biệt là trẻ dân tộc thiểu số, việc kết hợp ngôn ngữ với hình ảnh trực quan giúp trẻ tiếp cận và ghi nhớ từ vựng một cách tự nhiên và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, biện pháp sử dụng câu hỏi gợi mở để khuyến khích trẻ nói và mở rộng vốn từ cũng được giáo viên sử dụng khá thường xuyên với 65% giáo viên lựa chọn mức “Thường xuyên”, điểm trung bình đạt 2,60. Kết quả này cho thấy giáo viên đã bước đầu chú trọng đến việc tạo cơ hội cho trẻ được giao tiếp, trả lời câu hỏi và thể hiện suy nghĩ của mình. Đây là một trong những biện pháp quan trọng giúp trẻ chủ động sử dụng ngôn ngữ, từ đó góp phần phát triển vốn từ và khả năng diễn đạt của trẻ.

Đối với biện pháp cho trẻ nhắc lại từ mới và sử dụng từ trong câu đơn giản, kết quả khảo sát cho thấy 60% giáo viên thực hiện thường xuyên, điểm trung bình đạt 2,55. Điều này phản ánh giáo viên đã quan tâm đến việc củng cố và luyện tập từ vựng cho trẻ thông qua việc cho trẻ lặp lại và sử dụng từ trong ngữ cảnh cụ thể. Việc thực hành này giúp trẻ ghi nhớ từ vựng lâu hơn và từng bước hình thành khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp.

Ngoài ra, biện pháp tổ chức cho trẻ trao đổi, trò chuyện với bạn bè và giáo viên trong các hoạt động cũng được sử dụng ở mức tương đối với điểm trung bình 2,45. Mặc dù hơn một nửa giáo viên thực hiện thường xuyên, song vẫn còn một tỷ lệ nhất định giáo viên chỉ thực hiện ở mức thỉnh thoảng hoặc hiếm khi. Điều này cho thấy việc tạo môi trường giao tiếp tự nhiên cho trẻ vẫn chưa được khai thác triệt để trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục.

Trong khi đó, biện pháp khuyến khích trẻ kể lại nội dung truyện hoặc bài thơ bằng lời của mình có điểm trung bình 2,40, cho thấy mức độ sử dụng ở mức khá nhưng chưa thật sự thường xuyên. Việc cho trẻ kể lại nội dung tác phẩm không chỉ giúp trẻ hiểu sâu nội dung mà còn tạo cơ hội để trẻ vận dụng vốn từ đã học vào việc diễn đạt suy nghĩ của mình. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy biện pháp này vẫn chưa được giáo viên chú trọng đúng mức.

Đáng chú ý, biện pháp kết hợp sử dụng tiếng mẹ đẻ để giải thích từ khó cho trẻ khi cần thiết có điểm trung bình thấp nhất (2,10) và độ lệch chuẩn 0,70, trong đó chỉ có 30% giáo viên sử dụng thường xuyên. Điều này phản ánh sự chưa thống nhất trong quan điểm của giáo viên về việc sử dụng tiếng mẹ đẻ như một công cụ hỗ trợ trong quá trình phát triển Tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số. Một số giáo viên có thể còn e ngại rằng việc sử dụng tiếng mẹ đẻ sẽ làm giảm cơ hội tiếp

xúc với Tiếng Việt của trẻ, trong khi một số khác lại xem đây là phương tiện hỗ trợ giúp trẻ hiểu nghĩa từ mới nhanh hơn.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy giáo viên đã bước đầu vận dụng nhiều phương pháp và biện pháp khác nhau nhằm phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ. Tuy nhiên, việc sử dụng các biện pháp này vẫn chưa thật sự đồng đều và hiệu quả. Một số biện pháp mang tính tích cực như khuyến khích trẻ giao tiếp, kể lại nội dung truyện hoặc sử dụng tiếng mẹ đẻ hỗ trợ vẫn chưa được khai thác thường xuyên. Điều này cho thấy cần tiếp tục tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non, đặc biệt là đối với trẻ em dân tộc thiểu số, nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động phát triển vốn từ Tiếng Việt trong nhà trường.

### *c, Hình thức*

Căn cứ vào kết quả khảo sát về thực trạng các hình thức tổ chức phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ tại trường mầm non, có thể nhận thấy rằng giáo viên đã sử dụng nhiều hình thức tổ chức khác nhau nhằm hỗ trợ trẻ làm giàu vốn từ và tăng cường khả năng sử dụng Tiếng Việt. Tuy nhiên, mức độ sử dụng giữa các hình thức vẫn còn có sự chênh lệch nhất định, phản ánh sự khác biệt trong thói quen tổ chức hoạt động cũng như điều kiện thực tế của giáo viên.

Trước hết, hình thức tổ chức hoạt động học làm quen với tác phẩm văn học (kể chuyện, đọc thơ) được sử dụng thường xuyên nhất. Kết quả khảo sát cho thấy 100% giáo viên lựa chọn mức “thường xuyên”, với điểm trung bình đạt mức cao nhất (ĐTB = 3,0) và độ lệch chuẩn bằng 0. Điều này cho thấy sự thống nhất cao của đội ngũ giáo viên về vai trò của hoạt động học có chủ đích trong việc phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ. Thông qua các hoạt động học này, trẻ được tiếp cận tác phẩm văn học một cách có hệ thống, được giáo viên hướng dẫn, giải thích nghĩa của từ và rèn luyện kỹ năng nghe – nói Tiếng Việt trong môi trường giáo dục chính thức. Tuy nhiên, việc tập trung quá nhiều vào hoạt động học cũng phần nào cho thấy các hình thức tổ chức khác chưa được khai thác một cách thường xuyên và linh hoạt.

So với hoạt động học, hình thức tổ chức hoạt động chơi đóng vai, sân khấu hóa truyện trong giờ chơi có mức độ triển khai thấp hơn. Chỉ có 25% giáo viên thực hiện thường xuyên, trong khi phần lớn giáo viên (65%) chỉ tổ chức ở mức thỉnh thoảng và 10% giáo viên hiếm khi áp dụng. Điểm

trung bình của hình thức này đạt 2,15, cho thấy mức độ sử dụng chỉ ở mức trung bình. Điều này phản ánh rằng mặc dù hoạt động chơi có vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường giao tiếp tự nhiên và kích thích hứng thú của trẻ, song trong thực tế giáo viên vẫn chưa khai thác triệt để hình thức này để phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Đối với hình thức tích hợp phát triển vốn từ Tiếng Việt trong các hoạt động sinh hoạt hằng ngày như đón – trả trẻ, giờ ăn, giờ ngủ, kết quả khảo sát cho thấy mức độ sử dụng tương đối khá, với 45% giáo viên thực hiện thường xuyên và 40% giáo viên thực hiện thỉnh thoảng. Điểm trung bình đạt 2,3 cho thấy đây là hình thức đã được một bộ phận giáo viên quan tâm khai thác. Việc tích hợp phát triển vốn từ trong các hoạt động thường nhật giúp trẻ được tiếp xúc với Tiếng Việt trong những tình huống giao tiếp tự nhiên, qua đó góp phần củng cố và mở rộng vốn từ một cách hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn 15% giáo viên ít khi áp dụng hình thức này, cho thấy việc tận dụng môi trường giao tiếp trong sinh hoạt hằng ngày để phát triển ngôn ngữ cho trẻ chưa thực sự trở thành thói quen phổ biến trong thực tiễn giáo dục.

Bên cạnh đó, hình thức tổ chức hoạt động góc (đặc biệt là góc thư viện, góc học tập) để trẻ tiếp xúc với sách truyện cũng được giáo viên triển khai ở mức khá tích cực. Có 60% giáo viên tổ chức thường xuyên, 30% tổ chức thỉnh thoảng và 10% giáo viên hiếm khi thực hiện, với điểm trung bình đạt 2,6. Kết quả này cho thấy nhiều giáo viên đã chú trọng xây dựng môi trường ngôn ngữ trong lớp học, tạo điều kiện cho trẻ tiếp cận sách truyện một cách chủ động. Việc thường xuyên tiếp xúc với sách truyện không chỉ giúp trẻ mở rộng vốn từ mà còn góp phần hình thành hứng thú đối với hoạt động đọc và nghe kể chuyện. Tuy nhiên, mức độ khai thác hoạt động góc giữa các lớp vẫn còn chưa đồng đều, phụ thuộc nhiều vào điều kiện lớp học và sự chủ động của từng giáo viên.

Trong khi đó, hình thức tổ chức các hoạt động tập thể như hội thi, giao lưu kể chuyện – đọc thơ lại được triển khai ở mức rất hạn chế. Chỉ có 10% giáo viên tổ chức thường xuyên, 30% tổ chức thỉnh thoảng, trong khi có tới 60% giáo viên hiếm khi thực hiện. Điểm trung bình của hình thức này chỉ đạt 1,5 – thấp nhất trong các hình thức khảo sát. Điều này cho thấy các hoạt động mang tính giao lưu, trải nghiệm và thể hiện ngôn ngữ trước tập thể – vốn có ý nghĩa quan trọng trong việc rèn luyện sự tự tin và khả năng diễn đạt của trẻ – chưa

được chú trọng đúng mức trong thực tế tổ chức giáo dục.

Nhìn chung, các hình thức tổ chức phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ tại trường mầm non đã được triển khai tương đối đa dạng, bao gồm hoạt động học, hoạt động chơi, hoạt động góc, hoạt động sinh hoạt hằng ngày và hoạt động tập thể. Tuy nhiên, mức độ sử dụng giữa các hình thức vẫn còn mất cân đối. Giáo viên chủ yếu tập trung vào hoạt động học có chủ đích, trong khi các hình thức mang tính trải nghiệm, giao tiếp tự nhiên và mở rộng môi trường ngôn ngữ chưa được khai thác thường xuyên và đồng đều. Thực trạng này cho thấy cần tăng cường đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động nhằm tạo nhiều cơ hội hơn cho trẻ được sử dụng Tiếng Việt trong các tình huống khác nhau, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc Thái.

### **2.3. Thực trạng phối hợp giữa gia đình và nhà trường về phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái qua làm quen với tác phẩm văn học**

*\* Nhận thức của phụ huynh về việc trẻ học tiếng Việt qua văn học*

Qua dữ liệu từ phiếu khảo sát phụ huynh, chúng ta có số liệu về mức độ quan tâm của cha mẹ đối với việc con học tiếng Việt ở trường:

Kết quả khảo sát cho thấy phụ huynh nhìn chung có nhận thức khá tích cực về vai trò của tiếng Việt đối với việc học tập và hòa nhập của trẻ trong môi trường mầm non. Ở hầu hết các nội dung khảo sát, tỷ lệ phụ huynh lựa chọn mức “Rất đồng ý” và “Đồng ý” chiếm tỷ lệ cao, dao động từ khoảng 83% đến hơn 86%, trong khi tỷ lệ “Không đồng ý” rất thấp (chỉ khoảng 3,3%). Điều này cho thấy phần lớn phụ huynh đã nhận thức được tầm quan trọng của việc trẻ có vốn từ tiếng Việt tốt đối với quá trình học tập và phát triển của trẻ.

Cụ thể, nội dung “Tiếng Việt giúp trẻ giao tiếp với giáo viên và bạn bè trong trường mầm non” có điểm trung bình cao nhất (Mean = 3,37; SD = 0,77), với 53,3% phụ huynh “Rất đồng ý” và 33,3% “Đồng ý”. Kết quả này cho thấy phụ huynh đặc biệt nhận thức rõ vai trò của tiếng Việt trong việc hỗ trợ trẻ giao tiếp và hòa nhập với môi trường học tập ở trường mầm non. Khi trẻ có khả năng sử dụng tiếng Việt tốt, trẻ sẽ dễ dàng trao đổi với giáo viên, tương tác với bạn bè và tham gia tích cực vào các hoạt động tập thể.

Bên cạnh đó, các nội dung như “Trẻ có vốn

từ tiếng Việt tốt sẽ tiếp thu bài học nhanh hơn” và “Tiếng Việt giúp trẻ hiểu nội dung các hoạt động học tập và vui chơi ở lớp” cũng nhận được mức độ đồng thuận cao, với điểm trung bình lần lượt là 3,33 và 3,33. Điều này phản ánh rằng phụ huynh nhận thức khá rõ mối liên hệ giữa khả năng sử dụng tiếng Việt và hiệu quả tiếp thu kiến thức của trẻ. Khi trẻ hiểu được ngôn ngữ giảng dạy của giáo viên, trẻ sẽ dễ dàng nắm bắt nội dung hoạt động học tập, từ đó tham gia tích cực hơn vào các hoạt động giáo dục ở trường.

Đối với nội dung “Trẻ hiểu tiếng Việt sẽ tham gia tốt hơn vào các hoạt động học tập ở lớp”, điểm trung bình đạt 3,30 với 86,7% phụ huynh lựa chọn “Rất đồng ý” và “Đồng ý”. Kết quả này cho thấy phụ huynh đã nhận thức được rằng khả năng hiểu và sử dụng tiếng Việt giúp trẻ tăng cường sự tham gia vào các hoạt động học tập và vui chơi, đồng thời giúp trẻ tự tin hơn khi thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của bản thân.

Tuy nhiên, ở một số nội dung như “Trẻ có khả năng tiếng Việt tốt sẽ dễ dàng hòa nhập với môi trường học tập”, “Tiếng Việt giúp trẻ tự tin, mạnh dạn khi tham gia các hoạt động tập thể” và “Tiếng Việt giúp trẻ chuẩn bị tốt cho việc học ở các bậc học tiếp theo”, điểm trung bình chỉ đạt khoảng 3,23 – 3,27 và vẫn còn một tỷ lệ nhỏ phụ huynh lựa chọn mức “Phân vân” (khoảng 10–13,3%). Điều này cho thấy mặc dù phụ huynh đã nhận thức được vai trò của tiếng Việt trong giao tiếp và học tập trước mắt, nhưng nhận thức về vai trò lâu dài của tiếng Việt đối với sự phát triển học tập và khả năng thích ứng của trẻ trong tương lai vẫn chưa thật sự đầy đủ và đồng đều.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy phụ huynh đã có nhận thức khá rõ ràng về tầm quan trọng của tiếng Việt đối với việc học tập của trẻ mầm non, đặc biệt trong việc hỗ trợ giao tiếp và tiếp thu các hoạt động giáo dục ở lớp. Tuy nhiên, nhận thức này vẫn còn một số hạn chế nhất định, thể hiện qua tỷ lệ phụ huynh còn phân vân ở một số nội dung liên quan đến sự tự tin, khả năng hòa nhập và chuẩn bị cho các bậc học tiếp theo. Điều này cho thấy cần tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của phụ huynh về vai trò của tiếng Việt, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển ngôn ngữ và tham gia hiệu quả vào các hoạt động giáo dục ở trường mầm non.

*\* Nhận thức của phụ huynh về vai trò của tiếng Việt đối với sự phát triển của trẻ dân tộc Thái.*

Qua dữ liệu từ phiếu khảo sát phụ huynh, chúng ta có số liệu về mức độ quan tâm của cha mẹ đối với việc con học tiếng Việt ở trường: Kết quả khảo sát nhận thức và mức độ quan tâm của phụ huynh đối với việc trẻ học tiếng Việt thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học. Phân tích số liệu cho thấy mức độ tham gia của phụ huynh vào quá trình hỗ trợ phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ còn ở mức thấp, thể hiện rõ qua cả tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình và độ lệch chuẩn.

Cụ thể, đối với nội dung trao đổi với nội dung trao đổi với cô giáo về vốn từ tiếng Việt của con, chỉ có 26,7% phụ huynh cho biết thực hiện thường xuyên, trong khi tỷ lệ phụ huynh hiếm khi hoặc không trao đổi chiếm tới 46,6%. Điểm trung bình của nội dung này đạt 1,80 với độ lệch chuẩn 0,85, phản ánh mức độ quan tâm của phụ huynh còn hạn chế và có sự phân hóa nhất định giữa các gia đình. Kết quả này cho thấy sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc theo dõi và hỗ trợ sự phát triển vốn từ tiếng Việt của trẻ chưa được duy trì thường xuyên và mang tính hệ thống.

Đối với nội dung nghe con kể lại chuyện hoặc đọc thơ đã học ở trường, tỷ lệ phụ huynh thực hiện thường xuyên chỉ đạt 10,0%, trong khi phần lớn phụ huynh chỉ thực hiện ở mức thỉnh thoảng (23,3%) hoặc hiếm khi/không thực hiện (66,7%). Nội dung này có điểm trung bình thấp (ĐTB = 1,43; ĐLC = 0,68), cho thấy hoạt động củng cố vốn từ tiếng Việt cho trẻ thông qua việc tái hiện nội dung văn học tại gia đình chưa được phụ huynh chú trọng. Điều này làm giảm cơ hội để trẻ được ôn luyện, lặp lại và vận dụng các từ mới đã tiếp thu trong môi trường học tập, vốn là yếu tố quan trọng giúp trẻ ghi nhớ và sử dụng từ một cách bền vững.

Đáng chú ý nhất là nội dung sử dụng tiếng Việt khi giao tiếp với con tại nhà, chỉ có 10,0% phụ huynh cho biết thường xuyên sử dụng tiếng Việt, trong khi tỷ lệ hiếm khi hoặc không sử dụng lên tới 70,0%. Điểm trung bình của nội dung này thấp nhất trong ba nội dung khảo sát (ĐTB = 1,40; ĐLC = 0,67), phản ánh rõ thực trạng môi trường ngôn ngữ gia đình chưa hỗ trợ tích cực cho quá trình phát triển vốn từ tiếng Việt của trẻ. Trong các gia đình người Thái, tiếng mẹ đẻ vẫn là ngôn ngữ giao tiếp chủ yếu trong sinh hoạt hằng ngày, khiến tiếng Việt của trẻ chỉ được sử dụng trong phạm vi nhà trường và thiếu điều kiện củng cố ngoài lớp học.

Tổng hợp các kết quả trên cho thấy, mặc dù phụ huynh nhận thức được vai trò của tiếng Việt đối với sự phát triển của trẻ, song mức độ tham gia trực tiếp vào các hoạt động hỗ trợ phát triển vốn từ tiếng Việt tại gia đình còn thấp. Sự thiếu liên tục giữa môi trường ngôn ngữ ở trường và ở nhà đã tạo ra khoảng trống trong quá trình hình thành và mở rộng vốn từ của trẻ dân tộc Thái. Đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản làm hạn chế hiệu quả của các biện pháp phát triển vốn từ tiếng Việt thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, đồng thời đặt ra yêu cầu cần thiết phải tăng cường các biện pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giai đoạn tiếp theo.

*\* Thực trạng phối hợp giữa nhà trường và gia đình*

Kết quả khảo sát và tổng hợp ý kiến từ giáo viên và phụ huynh cho thấy, sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học còn nhiều hạn chế và chưa đạt hiệu quả như mong đợi. Mặc dù nhà trường đã có những nỗ lực nhất định trong việc trao đổi thông tin với phụ huynh, song nội dung và hình thức phối hợp vẫn chưa thực sự đi vào chiều sâu.

Về kênh thông tin liên lạc, việc trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh chủ yếu được thực hiện thông qua các buổi họp phụ huynh định kỳ và các cuộc trò chuyện ngắn vào thời điểm đón – trả trẻ. Tuy nhiên, nội dung trao đổi phần lớn tập trung vào tình hình sức khỏe, ăn uống và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, trong khi các vấn đề liên quan trực tiếp đến sự phát triển vốn từ tiếng Việt, đặc biệt là thông qua hoạt động văn học, chưa được đề cập thường xuyên và có hệ thống. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ có 26,7% phụ huynh thường xuyên trao đổi với giáo viên về vốn từ tiếng Việt của con, trong khi gần một nửa phụ huynh (46,6%) hiếm khi hoặc không trao đổi, phản ánh mức độ kết nối giữa hai bên còn lỏng lẻo.

Bên cạnh đó, việc nhà trường hướng dẫn phụ huynh các hình thức cụ thể để hỗ trợ trẻ rèn luyện tiếng Việt tại nhà còn hạn chế. Nhiều phụ huynh cho biết họ chưa được cung cấp đầy đủ tài liệu, học liệu hoặc gợi ý phương pháp phù hợp với điều kiện gia đình và đặc điểm ngôn ngữ của trẻ dân tộc Thái. Điều này dẫn đến tâm lý e ngại, thiếu tự tin của phụ huynh khi tham gia hỗ trợ con học tiếng Việt, đặc biệt trong các hoạt động nghe – kể lại truyện, đọc thơ hay giao tiếp bằng tiếng Việt tại nhà.

Mặt khác, từ phía phụ huynh, các yếu tố về điều kiện kinh tế, thời gian lao động sản xuất và trình độ sử dụng tiếng Việt cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả phối hợp. Phần lớn phụ huynh bận rộn với công việc nương rẫy, ít có thời gian dành cho các hoạt động tương tác ngôn ngữ với con. Ngoài ra, một bộ phận phụ huynh còn lo ngại rằng việc sử dụng nhiều tiếng Việt sẽ làm ảnh hưởng đến việc giữ gìn tiếng mẹ đẻ, dẫn đến thái độ chưa thật sự tích cực trong phối hợp với nhà trường.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ dân tộc Thái hiện nay chủ yếu mang tính hình thức, chưa tạo được cơ chế phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và hai chiều. Thực trạng này đòi hỏi nhà trường cần có những giải pháp cụ thể nhằm tăng cường vai trò của phụ huynh, đồng thời xây dựng mối liên kết hiệu quả giữa môi trường ngôn ngữ ở trường và ở gia đình, làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ trong thời gian tới.

### III. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát đã chỉ ra mức độ nhận thức của giáo viên về vai trò của phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ 3-4 tuổi, cũng như những vấn đề liên quan đến phát triển vốn từ Tiếng Việt cho trẻ qua làm quen với tác phẩm văn học. Kết quả cho thấy, mặc dù hoạt động văn học đã được tổ chức thường xuyên, song hiệu quả phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ còn hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Thực trạng cho thấy vốn từ tiếng Việt của trẻ 3-4 tuổi dân tộc Thái còn hạn chế, trẻ gặp khó khăn trong việc hiểu, phát âm và sử dụng từ; mức độ chủ động giao tiếp bằng tiếng Việt chưa cao và chịu ảnh hưởng rõ rệt của tiếng mẹ đẻ. Hoạt động làm quen với tác phẩm văn học có vai trò quan trọng trong phát triển vốn từ cho trẻ, song việc tổ chức còn chưa thật sự đa dạng, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ của trẻ. Trên cơ sở đó, đề tài đã đề xuất bốn giải pháp gồm: sử dụng đồ dùng trực quan và công nghệ hỗ trợ; lựa chọn tác phẩm văn học phù hợp; áp dụng phương pháp song ngữ hỗ trợ; và đa dạng hóa hình thức tổ chức hoạt động. Các giải pháp có tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhà trường và đặc điểm của trẻ. Có thể khẳng định rằng, việc vận dụng linh hoạt và đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả phát triển vốn từ tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc Thái, đồng thời nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học trong trường mầm non.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT; được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT)*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo*. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-50-2020-tt-bgdtt-chuong-trinh-lam-quen-voi-tieng-anh-danh-cho-tre-em-mau-giao-200155-d1.html>

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non*. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-51-2020-tt-bgdtt-sua-doi-chuong-trinh-giao-duc-mam-non-200250-d1.html>

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT về dạy và học tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1*. <https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-23-2023-tt-bgdtt-day-va-hoc-tieng-viet-cho-tre-em-dan-toc-thieu-so-truoc-khi-va-lop-1-282126-d1.html>

Nguyễn Thị Phương Thảo (Chủ biên). (2008). *Phương pháp dạy học song ngữ (Tài liệu thử nghiệm Chương trình giáo dục song ngữ dựa trên tiếng mẹ đẻ, UNICEF)*.

Nguyễn Thị Phương Thảo. (2014). *Phương pháp dạy tiếng Việt như ngôn ngữ thứ hai cho học sinh dân tộc cấp tiểu học*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Thị Ngọc Trâm, & Bùi Thị Kim Tuyền. (2011). *Tài liệu hướng dẫn chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ mẫu giáo vùng dân tộc thiểu số*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Save the Children, UNICEF, & Oxfam Hong Kong. (2013). *Tổng kết Chương trình giáo dục song ngữ*.

MeSchool. (n.d.). *Chương trình giáo dục mầm non*. <https://meschool.vn/blogs/nuoi-day-tre/chuong-trinh-giao-duc-mam-non>